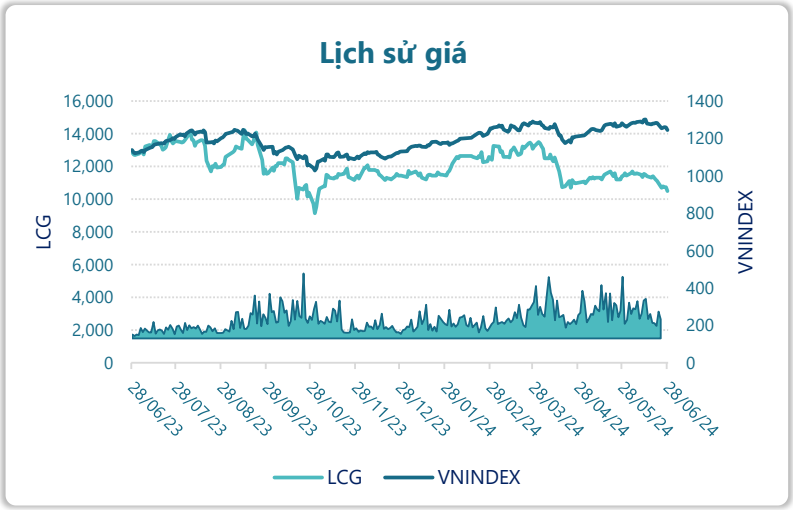
FireAnt

CTCP Lizen (HSX: LCG)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,217
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,141
SL cổ phiếu LH	193,090,832
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,561,275
% sở hữu nước ngoài	2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,124
P/E	14.3
EPS	771

DT thuần

Q2/24

770

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 459| 148%

YoY: ▲ 293| 61.5%

LN sau thuế

Q2/24

44.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.0| 207%

YoY: ▲ 23.9| 116%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

9.2%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

6T 2024

1,081

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 361| 50.2%

LN sau thuế

6T 2024

59.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 28.0| 90.6%

ROE

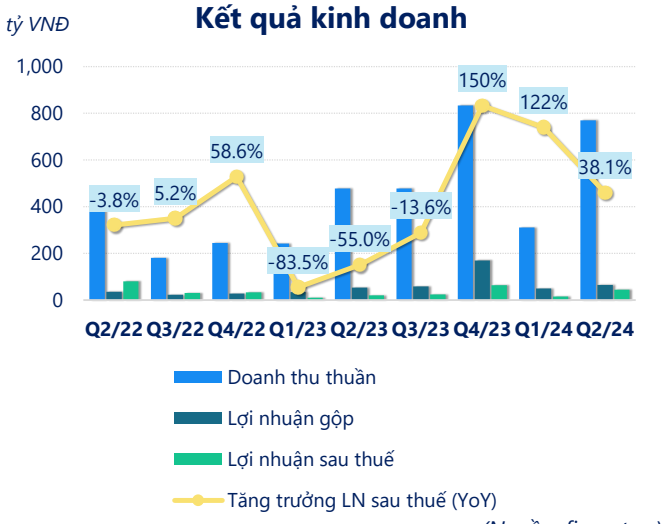
Q2/24

5.8%

+/- YoY: ▲ 2.2%

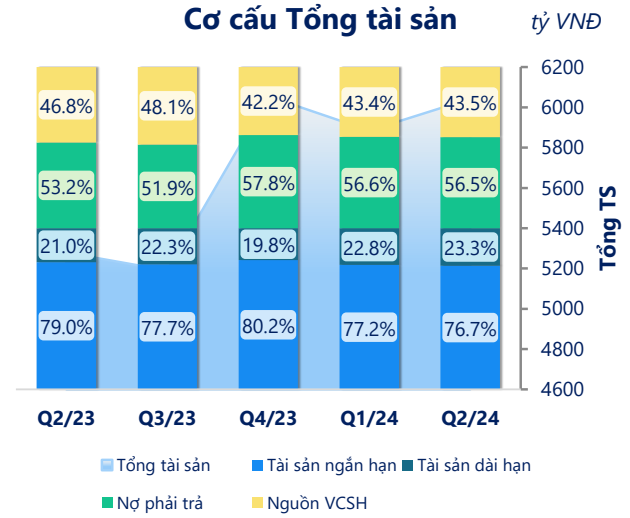
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



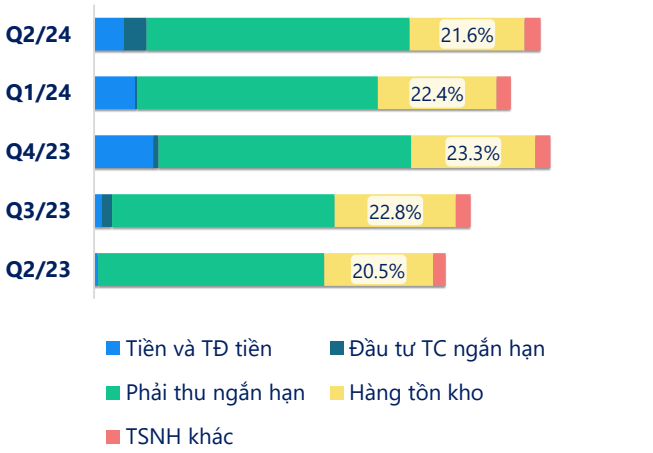
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



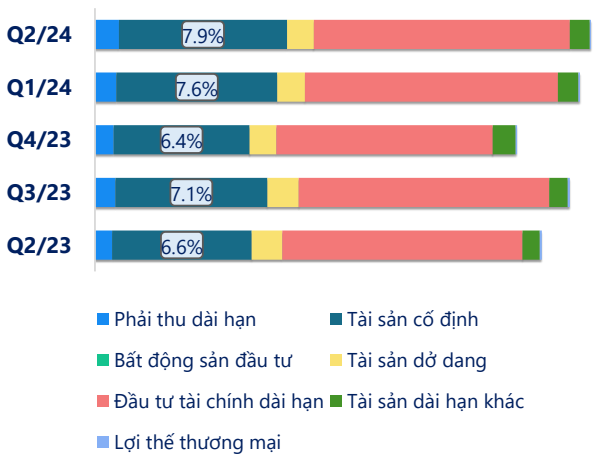
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



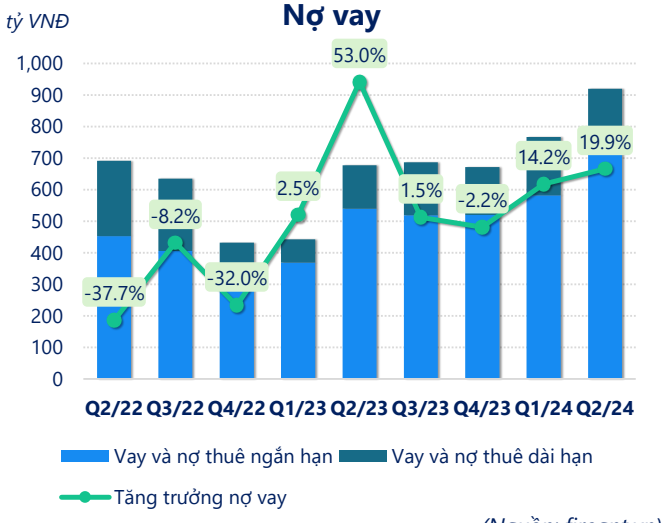
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



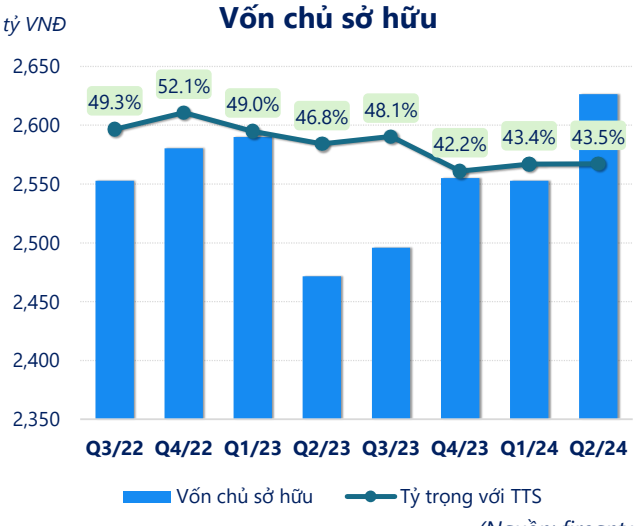
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



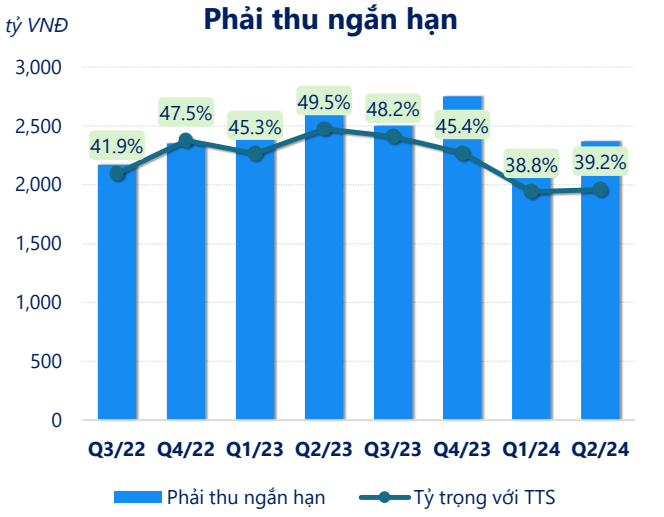
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



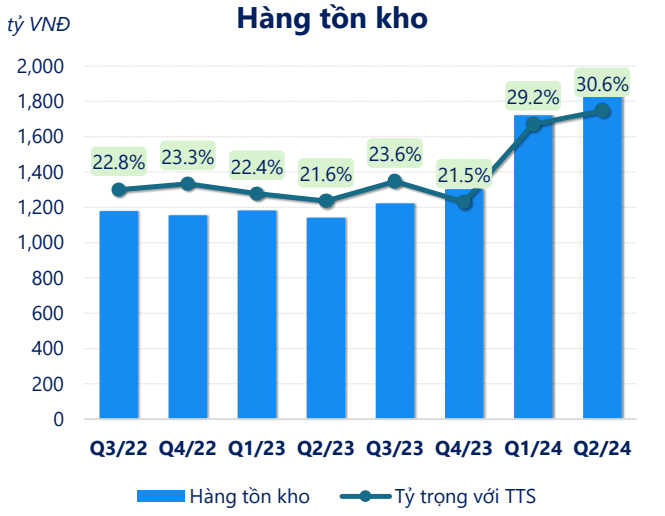
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



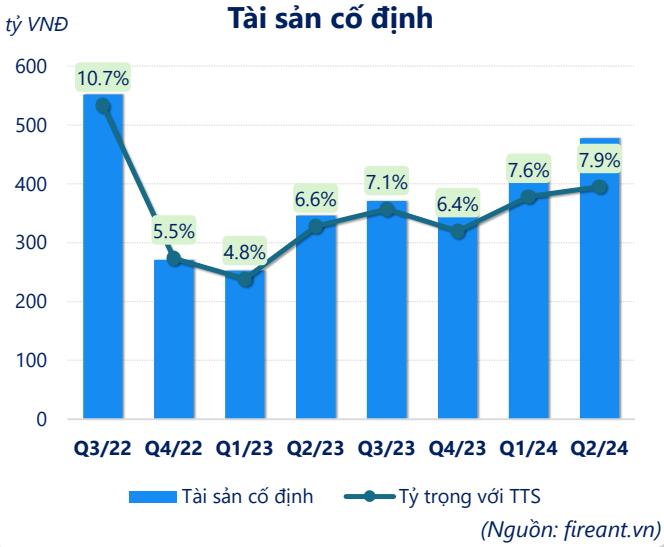
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



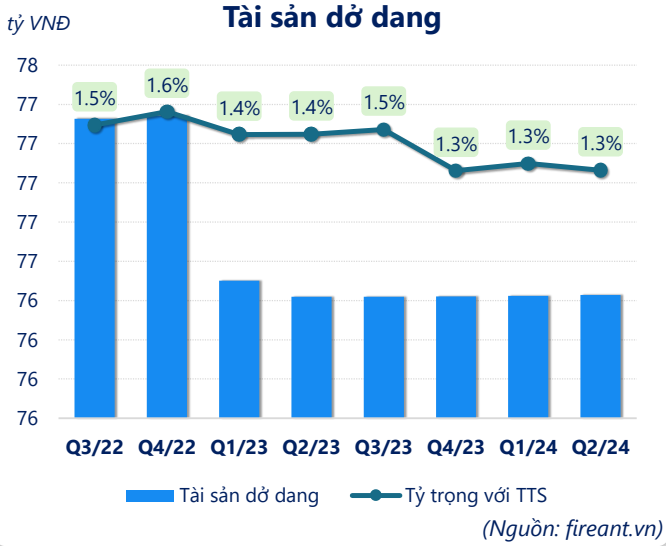
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



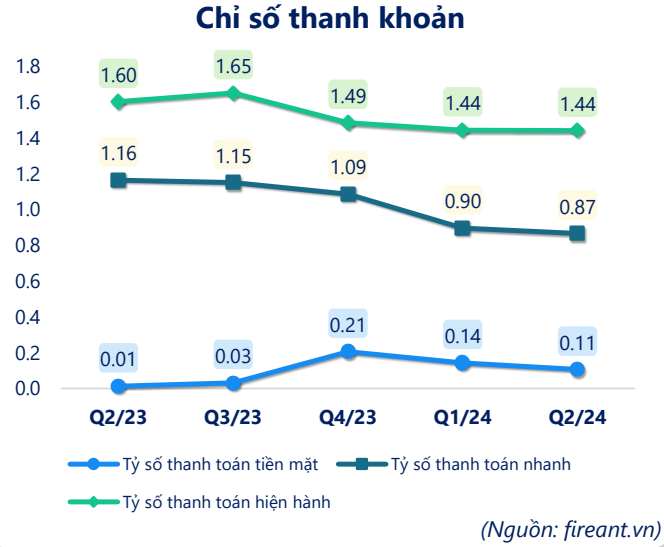
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



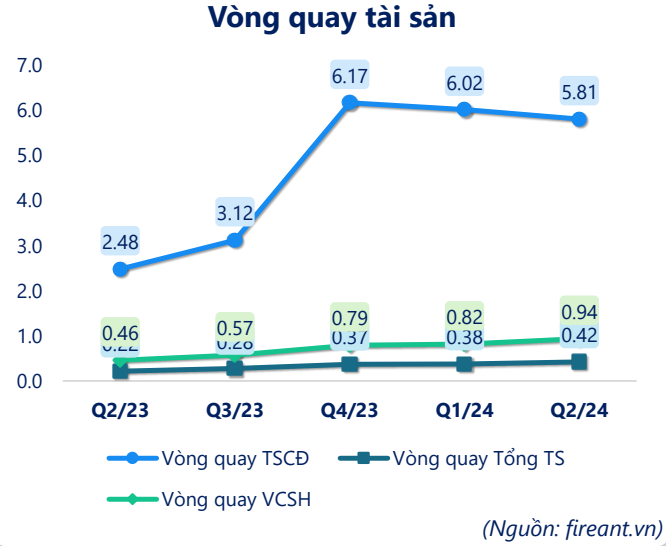
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**5,280**	**5,190**	**6,055**	**5,885**	**6,043**
Tài sản ngắn hạn	**4,170**	**4,032**	**4,853**	**4,543**	**4,634**
Tiền và tương đương tiền	33.2	78.2	671	452	341
Đầu tư tài chính ngắn hạn	224	67.0	64.6	26.5	16.5
Phải thu ngắn hạn	2,613	2,501	2,750	2,285	2,368
Hàng tồn kho	1,141	1,223	1,303	1,721	1,848
Tài sản ngắn hạn khác	159	163	64.0	59.8	60.1
Tài sản dài hạn	**1,109**	**1,158**	**1,202**	**1,342**	**1,409**
Phải thu dài hạn	42.8	49.8	53.0	59.4	68.4
Tài sản cố định	346	371	387	445	477
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	76.4	76.4	76.4	76.4	76.4
Đầu tư tài chính dài hạn	596	612	615	700	727
Tài sản dài hạn khác	42.9	44.6	65.5	56.8	57.0
Lợi thế thương mại	5.23	4.86	4.23	3.83	3.47
Nợ phải trả	**2,808**	**2,694**	**3,500**	**3,332**	**3,417**
Nợ ngắn hạn	**2,602**	**2,441**	**3,266**	**3,146**	**3,215**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	540	519	520	582	719
Phải trả người bán ngắn hạn	613	571	641	670	743
Nợ dài hạn	206	254	234	186	202
Vay và nợ thuê dài hạn	138	168	152	185	201
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,472**	**2,496**	**2,555**	**2,553**	**2,626**
Vốn chủ sở hữu	**2,472**	**2,496**	**2,555**	**2,553**	**2,626**
Vốn điều lệ	1,916	1,916	1,916	1,916	1,951
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)